

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-6-2023

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Minh Trí

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Ngô Văn Nghị

Ông Bùi Đức Thuận

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Khánh Phước là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Kim Châu Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 388/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1973

Địa chỉ: Xóm 6, thôn ThTr, xã BTh, huyện TS, Bình Định.

***- Bị đơn:*** Ông Đào Văn Cường, sinh năm 1973

Địa chỉ: Xóm 11, thôn AC, xã TB, huyện TS, Bình Định.

Bà D có mặt, ông C vắng mặt lần 2 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:*

Bà và ông Đào Văn C tự nguyện tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BTh, huyện TS, tỉnh Bình Định vào ngày 30/4/1993. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình

chồng được 11 năm, đến năm 2004 vợ chồng mua đất, xây dựng nhà dọn ra ở riêng cùng cha chồng. Đến tháng 6/ 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng trong phương pháp dạy con cái và mâu thuẫn với gia đình chồng, vợ chồng không có tiếng nói chung, chồng và cha chồng đã đuổi bà ra khỏi nhà nên vợ chồng đã ly thân 05 năm nay. Năm 2022 ông C có đơn yêu cầu ly hôn bà, nhưng vì điều kiện ở xa không thể về tham gia phiên tòa, ông C đã rút đơn ly hôn nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Từ đó đến nay vợ chồng vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đào Văn C.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung Đào Thị Thanh L, (giới tính: Nữ), sinh ngày 28/7/1999; Đào Văn D, (giới tính: Nam), sinh ngày 21/6/2002; Đào Văn N, (giới tính: Nam), sinh ngày 17/12/2004; Đào Văn H, (giới tính: Nam) sinh ngày 16/3/2007. Hiện cháu H đang ở với ông C, khi ly hôn cháu H có nguyện vọng ở với cha nên bà đồng ý để ông C tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, còn các cháu L, D, N đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông Đào Văn C vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đào Văn C trình bày:

Ông thống nhất như lời trình bày của bà Nguyễn Thị D về thời gian tìm hiểu, điều kiện kết hôn và thời gian đăng ký kết hôn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do việc dạy các con, các con không lo học hành chơi game, lấy vàng của ông nội nên vợ chồng thường kình cãi và dẫn đến xô xát, tháng 7/2017 ông có vứt quần áo của bà D ra khỏi nhà chứ không có đuổi đi, nhưng bà D đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Nay bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn ông, thì ông cũng đồng ý đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung: Đào Thị Thanh L, (giới tính: Nữ), sinh ngày 28/7/1999; Đào Văn D, (giới tính: Nam, sinh ngày 21/6/2002; Đào Văn N, (giới tính: Nam), sinh ngày 17/12/2004; Đào Văn H, (giới tính: Nam), sinh ngày 16/3/2007. Hiện cháu H đang ở với ông, khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con, còn các cháu L, D, N đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có 06 chỉ vàng cưới (24K) hiện bà D đang giữ, nay ly hôn ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn ông Đào Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238, 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông C. Về nội dung: Áp dụng Điều 56 và 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Đào Văn C. Về con chung: Giao cháu Đào Văn H, (giới tính: Nam). sinh ngày 16/3/2007 cho ông Đào Văn C tiếp tục nuôi dưỡng vì nguyện vọng cháu H muốn ở với ông C, ghi nhận

sự tự nguyện của bà D cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 750.000 đồng, còn cháu: Đào Thị Thanh L, (giới tính: Nữ) sinh ngày 28/7/1999; Đào Văn D, (giới tính: Nam), sinh ngày 21/6/2002; Đào Văn N, (giới tính: Nam), sinh ngày 17/12/2004 đã trưởng thành, không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu nên không xét, ông C yêu cầu chia tài sản chung nhưng ông không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản nên không xem xét, sau này ông có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Đào Văn C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên theo quy định tại Điều 227, 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Đào Văn C kết hôn vào ngày 30/4/1993 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BTh, huyện TS, tỉnh Bình Định nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình chồng được 11 năm, đến năm 2004 vợ chồng mua đất, xây dựng nhà dọn ra ở riêng cùng cha chồng. Đến tháng 6/2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong việc dạy con, vợ chồng không có tiếng nói chung, dẫn đến xô xát nhau, ông C đã vứt quần áo của bà D ra khỏi nhà nên bà D bỏ về nhà cha mẹ bà ở xã BTh sinh sống từ đó vợ chồng ly thân đến nay. Năm 2022 ông C có đơn yêu cầu ly hôn bà, nhưng sau đó ông C đã rút đơn ly hôn để vợ chồng hàn gắn tình cảm cùng nuôi dạy con nhưng mâu thuẫn không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà D yêu cầu được ly hôn ông C, ông C cũng đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng bà D và ông C không thể nào chung sống với nhau được, cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, việc bà D và ông C thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa ghi nhận.

[2.2] Về con chung: Ông C và bà D đều thống nhất vợ chồng có 04 con chung: Đào Thị Thanh L, (giới tính: Nữ), sinh ngày 28/7/1999; Đào Văn D, (giới tính: Nam), sinh ngày 21/6/2002; Đào Văn N, (giới tính: Nam), sinh ngày 17/12/2004; Đào Văn H, (giới tính: Nam), sinh ngày 16/3/2007. Hiện cháu H đang ở với ông C. Xét thấy cháu H đã trên 07 tuổi, cháu có nguyện vọng ở với cha là ông C, ông C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành. Xét nguyện vọng của cháu H, HĐXX nghĩ nên giao cháu Đào Văn H cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, bà D cũng đồng ý cháu H do ông C nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà D cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 750.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với cháu Đào Thị Thanh L, (giới tính: Nữ) sinh ngày 28/7/1999; Đào Văn D, (giới tính: Nam), sinh ngày 21/6/2002; Đào Văn N, (giới tính: Nam), sinh ngày 17/12/2004 đã trưởng thành, bà D và ông C không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu, ông C yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng có 06 chỉ vàng (24K), hiện bà D đang quản lý. Tòa án đã ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản nhưng ông C không nộp. Nên HĐXX không xem xét đối với yêu cầu của ông C trong vụ án này, sau này ông C có yêu cầu chia tài sản chung sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Do đó về phần tài sản chung Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà D và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007541 ngày 02/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

[4] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị D.
2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn ông Đào Văn C.
3. Về con chung: Giao cháu Đào Văn H, (giới tính: Nam), sinh ngày 16/3/2007 cho ông Đào Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, bà D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 750.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6/2023 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Đối với các cháu Đào Thị Thanh L, (giới tính: Nữ), sinh ngày 28/7/1999; Đào Văn D, (giới tính: Nam), sinh ngày 21/6/2002; Đào Văn N, (giới tính: Nam), sinh ngày 17/12/2004 đều đã trưởng thành bà D, ông C không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án

hạn chế quyền thăm nom của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu nên không xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Bà D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do Phan Da nộp thay theo biên lai số 0007510 ngày 02/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn nên được khấu trừ còn phải nộp tiếp là 300.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lê Thị Minh Trí**